

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 10 - 2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Tính

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Sà L**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2013, anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Sà L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 31/8/2015. Trong thời gian chung sống, anh T và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân từ khoảng năm 2017 đến nay. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết

cho ly hôn với chị L. Về con chung: Anh T và chị L chung sống với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Anh H, sinh ngày 02/11/2013, hiện cháu H đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: Anh T xác định trong thời gian chung sống với chị L vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung nào có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có nợ bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Trần Thị Sà L:* Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nơi cư trú của chị L để tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cho chị L nhưng chị L không đến Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu để làm việc nên không ghi nhận ý kiến của chị L đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

*Theo bà Trần Tuyết L là Trưởng ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu xác nhận:* Anh T và chị L có kết hôn và có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa phương, nhưng từ khoảng năm 2017 đến nay, anh T và chị L không còn chung sống với nhau (sống ly thân); anh T và con trai dọn đồ về nhà cha mẹ ruột của anh T ở ấp P, xã H ở cho đến nay, chị L đi làm thuê thường xuyên vắng nhà, nhưng thỉnh thoảng chị L về địa phương thăm gia đình. Hiện anh T và chị L không có nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện chức năng kiểm sát thì Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm. Anh T đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với chị Trần Thị Sà L, cho anh T ly hôn với chị L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 02/11/2013 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị S L, địa chỉ cư trú tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị L.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện xây dựng hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 31/8/2015, đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90/2015 nên hôn nhân của anh T và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét thấy, trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh T và chị L đã sống ly thân từ khoảng năm 2017 đến nay nên anh T yêu cầu ly hôn với chị L. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T đối với chị L. Cho anh T ly hôn với chị L.

[5] Về con chung: Anh T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 02/11/2013 do cháu H đang sống chung với anh T. Xét thấy, từ khi anh T và chị L sống ly thân đến nay cháu H do anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc anh T nuôi cháu H từ bé đến nay đã ổn định, tình cảm cha con gắn kết nên cần giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng: Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với chị Trần Thị Sà L. Cho anh T ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 02/11/2013 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu H đang sinh sống chung với anh T. Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000552 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu; anh T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Hoàng Tính**